# HIỆP ĐỊNH TBT VÀ VẤN ĐỀ QUAN NGẠI THƯƠNG MẠI

*Lê Thị Việt Nga**

**Tóm tắt**

*Sử dụng những biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, bảo vệ sức khỏe, an toàn cho con người, động thực vật, bảo vệ môi trường và tránh những hành động man trá là cần thiết, chính nghĩa, hợp pháp. Tuy nhiên, để các biện pháp kỹ thuật không thể trở thành rào cản trong thương mại quốc tế, các thành viên của WTO phải tuân thủ Hiệp định TBT[1] khi xây dựng và sử dụng những biện pháp kỹ thuật. Nếu một thành viên có những biện pháp kỹ thuật không phù hợp với Hiệp định này sẽ có thể bị các thành viên khác bày tỏ quan ngại hoặc yêu cầu tham vấn tại Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO. Là thành viên của WTO, bên cạnh việc tuân thủ những quy định của Tổ chức này, Việt Nam cũng cần biết cách bảo vệ lợi ích của mình trước sự vi phạm của thành viên khác hoặc biết cách đối phó với những quan ngại về TBT. Bài viết này đề cập đến vấn đề quan ngại thương mại liên quan đến Hiệp định TBT và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam.*

**Từ khóa:** *Hiệp định TBT, quan ngại thương mại*

***Mã số: 74.110714; Ngày nhận bài: 11/07/2014; Ngày biên tập: 15/11/2014; Ngày duyệt đăng: 10/12/2014***

## 1. Khái niệm về quan ngại thương mại liên quan Hiệp định TBT

Quan ngại thương mại liên quan Hiệp định TBT hay quan ngại thương mại về TBT (TBT trade concern) là việc một hay nhiều thành viên của WTO bày tỏ sự lo ngại đối với biện pháp kỹ thuật của thành viên khác bởi họ cho rằng chính biện pháp kỹ thuật đó (được thể hiện dưới những hình thức như quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự hợp chuẩn) mà thành viên đó áp dụng tạo ra rào cản thương mại quá mức cần thiết, có ảnh hưởng xấu tới hoạt động xuất khẩu hàng hóa của họ. Ví dụ, ngày 15/6/2011, một số thành

viên của WTO như EU, cộng hòa Dominica, Indonesia, Mexico, Uruguay, Philippines, New Zealand,… đã bày tỏ quan ngại đối với dự thảo của Úc về hình ảnh được in trên bao

* TS. Đại học Thương mại

[1] Hiệp định TBT (Tiếng Anh là The Agreement on Technical Barriers to Trade) có nghĩa tiếng Việt là Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

thuốc lá. Theo dự thảo này, các hãng thuốc lá phải in những cảnh báo về sức khỏe với những hình ảnh rùng rợn, không được in biểu tượng, logo của nhà sản xuất trên vỏ bao thuốc lá điếu khi bán trên thị trường Úc. Mục đích của quy định này là để làm giảm sự hấp dẫn của vỏ bao thuốc lá đối với người tiêu dùng, giảm việc hút thuốc lá trong cộng đồng và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Chính phủ Úc cho rằng quy định đó phù hợp với Công ước kiểm soát thuốc lá do Tổ chức Y tế Thế giới đưa ra. Tuy nhiên, các nước có các hãng thuốc lá nổi tiếng thì cho rằng quy định của Úc cản trở thương mại quá mức cần thiết, làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh thuốc lá của họ. Các nước đang phát triển đặc biệt ở Châu Phi, Châu Mỹ La tinh là nơi cung cấp nguyên liệu thuốc lá cho các nước phát triển cho rằng quy định này sẽ gây tổn thất nặng nề cho người nông dân do mất công ăn việc làm. Một ví dụ khác, cuối năm 2013, Trung Quốc bày tỏ quan ngại đối với EU trước WTO về quy định của EU liên quan hóa chất trong da thuộc. Cụ thể, Trung Quốc cho rằng việc EU quy định Crom hóa trị VI sử dụng trong da thuộc không được vượt quá 3mg/kg là không phù hợp Điều 2.2 và 2.5 của Hiệp định TBT, không có căn cứ khoa học và ảnh hưởng tới các doanh nghiệp ngành da. Tháng 5/ 2014, EU đã phản hồi với Trung Quốc rằng do Crom hóa trị VI có trong các sản phẩm làm bằng da có tác động gây dị ứng đối với người sử dụng, có khoảng 3% người dân EU bị dị ứng bởi chất này nên EU muốn khống chế hàm lượng của chất đó để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

**2. Quan ngại thương mại và tranh chấp thương mại về TBT**

Khi một thành viên có quan ngại thương mại về TBT, thành viên đó sẽ bày tỏ quan ngại trước cuộc họp định kỳ của Ủy ban TBT của WTO. Vấn đề quan ngại thương mại có thể được giải quyết sau quá trình trao đổi thảo luận giữa các bên liên quan, theo đó thành viên có vấn đề bị quan ngại có thể chứng minh sự cần thiết, hợp lý của biện pháp kỹ thuật mình sử dụng hoặc tiếp thu ý kiến của thành viên khác để điều chỉnh những nội dung cần thiết nhằm đảm bảo rằng biện pháp kỹ thuật đó không vi phạm Hiệp định TBT. Tuy nhiên, nếu quan ngại thương mại về TBT không được giải quyết hiệu quả thông qua các cuộc trao đổi, thảo luận giữa các thành viên thì có thể dẫn đến tranh chấp thương mại. Tranh chấp thương mại về TBT được coi là bắt đầu hình thành khi một thành viên có yêu cầu tham vấn với một thành viên khác về biện pháp kỹ thuật được coi là không phù hợp với Hiệp định TBT của WTO. Yêu cầu tham vấn phải được thể hiện bằng văn bản và được gửi tới Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO. Toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp phải tuân theo Thỏa thuận giải quyết tranh chấp của Tổ chức này. Ví dụ, ngày 20/3/2001, Peru yêu cầu tham vấn với EU về Quyết định 2136/89 của EU (DS 231). Theo quyết định này, EU yêu cầu nhà xuất khẩu Peru ngừng sử dụng mô tả thương mại cá Sardines cho sản phẩm của họ. Bởi vì EU cho rằng mô tả thương mại cá sardines chỉ được sử dụng cho loại cá sardine có tên là Sardina pilchardus Walbaum (sinh sống chủ yếu ở vùng biển Đông bắc Atlantic, biển Địa Trung hải và biển Đen) và không dùng cho loại cá có tên là Sardinops sagax sagax (sinh sống chủ yếu ở vùng biển Đông Thái Bình Dương dọc bở biển Peru và Chile). Những sản phẩm của loại này cũng không được ghi "sardines" trên bao bì sản phẩm.

Như vậy, về bản chất, quan ngại thương mại về TBT và tranh chấp thương mại về TBT đều là những sự kiện xảy ra khi một thành viên có biện pháp kỹ thuật được coi là không phù hợp Hiệp định TBT của WTO, tạo nên

rào cản thương mại không cần thiết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thành viên khác, đặc biệt làm hạn chế việc xuất khẩu hàng hóa của thành viên khác. Tuy nhiên, quan ngại thương mại, một khi được đưa ra, sẽ được giải quyết thông qua quá trình thảo luận giữa các bên; trong khi đó, tranh chấp thương mại phải được giải quyết bởi cơ quan giải quyết tranh chấp theo quy trình giải quyết tranh chấp của WTO. Hay nói cách khác, quan ngại thương mại về TBT chưa phải là tranh chấp thương mại. Mặc dù vậy, quan ngại thương mại được coi là dấu hiệu quan trọng về một thành viên sẽ sử dụng biện pháp kỹ thuật không phù hợp với Hiệp định TBT của WTO, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hay nhiều thành viên khác. Do đó, quan ngại thương mại về TBT được coi là tiền đề có thể làm phát sinh tranh chấp thương mại về TBT, góp phần làm căng thẳng mối quan hệ giữa các thành viên.

### 3. Tình hình quan ngại thương mại về TBT trong WTO

Từ khi WTO được thành lập (1/1/1995) đến tháng 6 năm 2014, có 437 quan ngại thương mại về TBT được đưa ra nhưng chỉ có 49 tranh chấp thương mại liên quan đến Hiệp định TBT (chiếm khoảng 10% tổng số tranh chấp được đưa ra tổ chức này), trong đó năm có nhiều quan ngại thương mại về TBT được đưa ra nhất là năm 2009, với gần 50 trường hợp (Horn, 2013). Như vậy, số lượng các quan ngại thương mại về TBT lớn hơn rất nhiều so với số tranh chấp liên quan TBT. Điều này chứng tỏ rằng các thành viên rất quan tâm đến những biện pháp kỹ thuật được thành viên khác sử dụng và ảnh hưởng của biện pháp kỹ thuật đó tới hoạt động thương mại quốc tế. Theo báo cáo của WTO, các quan ngại thương mại về TBT không chỉ được đưa ra một lần tại một kỳ họp của ủy ban TBT mà có thể được đưa ra một số lần. Nghĩa là, mỗi kỳ họp có những quan ngại mới được đưa ra và có cả những quan ngại cũ được nhắc lại. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay kết quả của tất cả các quan ngại được đưa ra đều có trạng thái là "chưa được thông báo" ("not reported").

Để đảm bảo nguyên tắc minh bạch hóa, Hiệp định TBT yêu cầu các thành viên phải thông báo tới các thành viên còn lại về những biện pháp kỹ thuật mà thành viên đó sẽ áp dụng. Vì vậy, các thành viên của WTO có thể bày tỏ quan ngại thương mại về những biện pháp kỹ thuật đó. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các quan ngại thương mại về TBT không chỉ bao gồm những quan ngại về những biện pháp đã được thông báo mà còn bao gồm những biện pháp chưa được thông báo và những biện pháp chưa được thông báo lại là vấn đề khiến nhiều thành viên bày tỏ quan ngại tại Ủy ban TBT của WTO.

Trong số các thành viên nêu các trường hợp quan ngại thương mại, tính đến tháng 6 năm 2014, EU và Hoa kỳ là hai thành viên tích cực nhất trong việc đưa quan ngại thương mại về TBT ra trước cuộc họp của Ủy ban TBT của WTO với số lượng quan ngại được đưa ra bởi hai thành viên này tương ứng là 177 và 150. EU cũng là thành viên đứng đầu trong danh sách những thành viên bị quan ngại, tiếp theo là Trung Quốc và Hoa kỳ. Việt Nam đứng thứ 10 trong danh sách này với số lần bị quan ngại là 25. Số liệu thống kê của WTO cũng cho thấy hầu hết quan ngại thương mại về TBT được đưa ra là những quan ngại giữa hai bên, bao gồm bên quan ngại và bên bị quan ngại. Có khoảng 40% trường hợp quan ngại có sự tham gia của hai đến năm thành viên, 7% trường hợp quan ngại có sự tham gia của sáu đến mười thành viên, khoảng 3% trường hợp có sự tham gia của hơn 10 thành viên (Horn, 2013).

Những sản phẩm được đề cập trong các quan ngại về TBT bao gồm các sản phẩm thực phẩm, đồ uống giải khát và rượu, sản phẩm

hoá chất, dệt may, máy móc, cơ khí và thiết bị điện, phương tiện giao thông và trang thiết bị giao thông có liên quan. Nguyên nhân khiến các thành viên quan ngại chủ yếu là những biện pháp TBT được coi là phân biệt đối xử, không minh bạch, không sử dụng tiêu chuẩn quốc tế hoặc thiếu cơ sở khoa học nên tạo ra rào cản thương mại không cần thiết. Chẳng hạn, tháng 3 năm 2010, EU và Hoa kỳ đã bày tỏ quan ngại đối với Hàn Quốc khi nước này đưa ra Dự thảo về quy chuẩn định mức sử dụng hiệu quả nhiên liệu đối với ô tô và giảm khí thải hiệu ứng nhà kính. Đại diện của EU hoan nghênh Dự thảo này của Hàn Quốc vì cho rằng nếu thực hiện được quy chuẩn này, Hàn Quốc cùng với EU và nhiều quốc gia khác trên thế giới có thể chung tay bảo vệ môi trường tốt hơn thông qua việc cắt giảm khí CO2 từ ô tô vào môi trường. Tuy nhiên, theo EU, Dự thảo này có thế làm ảnh hưởng đáng kể tới các nhà sản xuất ô tô của EU. Bởi vì các nhà sản xuất ô tô của EU phải đáp ứng hơn gấp đôi mức độ yêu cầu so với các nhà sản xuất ô tô nội địa của Hàn Quốc. Điều này không chỉ thể hiện sự phân biệt đối xử mà còn tạo ra trở ngại lớn cho các nhà sản xuất ô tô của EU khi xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Hàn Quốc. Qua đó cho thấy, việc đưa ra những quy chuẩn không đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không phân biệt đối xử của Hiệp định TBT là nguyên nhân hình thành quan ngại thương mại.

Quan ngại sẽ được giải quyết hiệu quả nếu các bên tích cực trao đổi, thảo luận, đặc biệt phía thành viên có vấn đề bị quan ngại có thể giải trình hoặc tiếp thu điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp những quy định của Hiệp định TBT. Tuy nhiên, nếu không được giải quyết ổn thỏa, vấn đề quan ngại rất có thể trở thành tranh chấp thương mại về TBT. Trường hợp lệnh cấm nhập khẩu thuốc lá điếu có tẩm hương liệu từ cây đinh hương (clove cigarrettes) của Hoa kỳ là ví dụ điển hình về một quan ngại không được giải quyết tốt và đã bị đẩy thành tranh chấp thương mại. Tháng 5 năm 2009, Indonesia đã bày tỏ quan ngại trước cuộc họp của Ủy ban TBT của WTO về Luật kiểm soát thuốc lá và ngăn chặn việc hút thuốc trong gia đình của Hoa kỳ. Đại diện của Indonesia cho rằng việc Hoa kỳ đưa ra quy định cấm sản xuất và marketing những sản phẩm thuốc lá điếu có thêm hương liệu, trong đó có sản phẩm thuốc lá điếu có mùi đinh hương, nhưng vẫn cho phép sản xuất và bán những sản phẩm thuốc lá điếu có hương liệu khác, chẳng hạn như hương bạc hà, là thể hiện sự phân biệt đối xử với hàng nhập khẩu và tạo ra rào cản thương mại không cần thiết; bởi vậy Hoa kỳ nên xem xét dỡ bỏ lệnh cấm này. Đại diện của Hoa kỳ cho rằng Hoa kỳ sẽ không dỡ bỏ lệnh cấm này, cơ quan y tế của Hoa kỳ cũng ủng hộ lệnh cấm này để bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, đặc biệt giới trẻ. Phía Hoa kỳ cho rằng thuốc lá điếu có mùi đinh hương có sức hấp dẫn đặc biệt đối với người hút thuốc, đặc biệt làm cho người mới hút thuốc cảm thấy dễ hút hơn, từ đó có thể làm cho họ quen với việc hút thuốc, hút nhiều hơn và sẽ hút được những loại thuốc lá thông thường khác. Ngoài ra, Hoa kỳ cũng cho rằng thuốc lá điếu mùi đinh hương tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với sức khỏe của con người. Đại diện của Hoa kỳ giải thích lệnh cấm này không phải là công cụ phân biệt đối xử với hàng nhập khẩu vì có những sự khác biệt đáng kể liên quan đến việc tiêu dùng, cách sử dụng và những vấn đề về dịch tễ học giữa thuốc lá điếu có mùi đinh hương và thuốc lá điếu có mùi bạc hà, đây là hai trường hợp không thể so sánh với nhau được (not comparable). Sau thời gian thảo luận, phía Indonesia bày tỏ sự chia sẻ, thấu hiểu về những lập luận được xem là cơ sở của việc đưa ra lệnh cấm của Hoa kỳ. Tuy nhiên, vì Indonesia là một nước sản xuất thuốc lá điếu mùi đinh hương chủ yếu trên thế giới

và khối lượng lớn sản phẩm này được tiêu thụ tại thị trường Hoa kỳ nên lệnh cấm của Hoa kỳ ảnh hưởng đáng kể tới lợi ích thương mại của các doanh nghiệp của Indonesia. Vì vậy, ngày 7 tháng 4 năm 2010, Indonesia đã gửi đến Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO đơn yêu cầu tham vấn với Hoa kỳ về Luật kiểm soát thuốc lá và ngăn chặn việc hút thuốc trong gia đình, trong đó có điều khoản cấm sản xuất và bán thuốc lá điếu có mùi đinh hương nhưng vẫn cho phép sản xuất và bán thuốc lá điếu có mùi bạc hà. Indonesia cho rằng Hoa kỳ đã sử dụng biện pháp phân biệt đối xử hàng nhập khẩu, tạo ra rào cản thương mại không cần thiết, vi phạm các điều III.4 của GATT 1994, điều 2 của Hiệp định TBT. Tháng 6 năm 2010, Indonesia tiếp tục gửi đơn yêu cầu thành lập Ban hội thẩm. Tháng 9 năm 2011, báo cáo của Ban hội thẩm đã được gửi tới các thành viên của WTO, trong đó Ban hội thẩm cho rằng lệnh cấm của Hoa kỳ đã vi phạm nguyên tắc đối xử quốc gia được quy định tại điều 2.1 của Hiệp định TBT vì mặt hàng thuốc lá điếu có mùi đinh hương và thuốc lá điếu có mùi bạc hà là các sản phẩm giống hệt, đều là thuốc lá điếu có tẩm hương liệu và đều có sức hấp dẫn đối với người hút thuốc. Vì vậy Hoa kỳ nên điều chỉnh quy định này để đảm bảo phù hợp Hiệp định TBT. Tuy nhiên, vì Indonesia không có bằng chứng chứng minh lệnh cấm của Hoa kỳ là rào cản thương mại không cần thiết nên Ban hội thẩm không có kết luận về vấn đề này.Tháng 10 năm 2014, Hoa kỳ và Indonesia đã thống nhất được giải pháp chung và không phải sử dụng đến biện pháp trả đũa thương mại.

Liên quan đến Việt Nam, từ khi gia nhập WTO đến nay, Việt Nam chưa có lần nào bày tỏ quan ngại thương mại với bất kỳ thành viên nào nhưng là quốc gia đã được các thành viên bày tỏ quan ngại, đó là quan ngại đối với dự thảo Quy chuẩn quốc gia của Bộ Y tế về đồ uống có cồn, một số nước trong đó có Hoa Kỳ và EU cho rằng một vài điểm của quy chuẩn chưa phù hợp với quy định của Ủy ban Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa Thực phẩm Codex và Tổ chức Rượu Vang Quốc tế - OIV; quan ngại đối với quy định của Bộ Công Thương liên quan đến rượu, mỹ phẩm, điện thoại di động, một số nước cho rằng biện pháp đưa ra hạn chế thương mại quá mức cần thiết và chưa minh bạch; quan ngại đối với Nghị định số 38 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm, một số thành viên WTO cho rằng thời gian từ khi ban hành đến khi nghị định này có hiệu lực là quá ngắn, không đủ để chuẩn bị thực hiện. Như vậy, rõ ràng để những biện pháp kỹ thuật được sử dụng với những mục đích hợp pháp, những biện pháp đó cần phải được đảm bảo phù hợp với những quy định của Hiệp định TBT sau khi Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO. Việt Nam đã hợp tác cùng với các thành viên, tích cực trao đổi, thảo luận và tiếp thu ý kiến nên đã không để phát sinh tranh chấp nào về các biện pháp kỹ thuật.

Như vậy, với mục tiêu thúc đẩy tự do hóa thương mại, thúc đẩy thương mại thế giới phát triển bền vững, WTO đã xây dựng Hiệp định TBT với ý nghĩa là một khuôn khổ pháp lý điều chỉnh việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật của các thành viên nhằm đảm bảo các biện pháp kỹ thuật được các quốc gia sử dụng với mục đích hợp pháp và không thể trở thành rào cản không cần thiết trong thương mại quốc tế. Tuy nhiên, có những thành viên chưa đảm bảo tuân thủ nội dung của Hiệp định TBT nên làm phát sinh những quan ngại thương mại và tranh chấp thương mại về TBT. Những quan ngại và tranh chấp về TBT tại WTO trong thời gian qua đã phần nào chứng tỏ xu hướng sử dụng các biện pháp kỹ thuật tại các quốc gia và ảnh hưởng của các biện pháp đó tới hoạt

động thương mại của quốc gia khác. Trước những quan ngại được đưa ra, các thành viên đã có quá trình làm việc tích cực để thảo luận, giải trình, góp ý, tiếp thu và điều chỉnh nhằm giải quyết tốt những vấn đề được quan ngại, kiềm chế làm phát sinh tranh chấp thương mại để không làm tăng căng thẳng trong mối quan hệ giữa các quốc gia cũng như để không ảnh hưởng đến lợi ích của các thành viên.

**4. Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam**

Trải qua gần 8 năm là thành viên của WTO, Việt Nam chưa tham gia tranh chấp nào liên quan đến Hiệp định TBT, chưa lần nào bày tỏ quan ngại về biện pháp kỹ thuật của các thành viên khác nhưng đã được các thành viên bày tỏ quan ngại trong một số trường hợp. Việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật là cần thiết vì bất kỳ quốc gia nào cũng đều quan tâm tới vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ con người, môi trường, đời sống động thực vật. Tuy nhiên, việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật không phù hợp với Hiệp định của WTO làm cản trở hoạt động thương mại của các thành viên khác đã làm phát sinh quan ngại thương mại về TBT hoặc tranh chấp thương mại về TBT. Tham gia giải quyết những quan ngại thương mại về TBT đòi hỏi các thành viên phải có nguồn nhân lực, nguồn tài chính và thời gian. Ngoài ra, việc thường xuyên bị các thành viên khác bày tỏ quan ngại hay khởi kiện vì sự vi phạm Hiệp định của WTO còn làm ảnh hưởng đến uy tín, vị thế của tư cách thành viên. Vì vậy, để hạn chế làm phát sinh quan ngại, cũng như để giải quyết tốt những quan ngại nếu xảy ra, Việt Nam cần chú ý những vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, các cơ quan quản lý Nhà nước ngành cần hiểu đúng về Hiệp định TBT và đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Như đã trình bày ở trên, nguyên nhân của phần lớn các trường hợp quan ngại về TBT chính là các quy chuẩn của quốc gia thiếu minh bạch, thiếu cơ sở khoa học, được sử dụng theo cách phân biệt đối xử. Bởi vậy, nhận thức đầy đủ, toàn diện, đúng đắn về nội dung của Hiệp định sẽ giúp cho việc vận dụng trở nên hiệu quả hơn, Việt Nam sẽ có những biện pháp kỹ thuật hợp pháp, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế nhằm bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, đồng thời giúp các doanh nghiệp có cơ sở để đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ và phát triển sản phẩm sang các thị trường khác.

*Thứ hai*, các cơ quan chuyên trách về TBT cũng cần hiểu rõ nội dung của Hiệp định TBT để Việt Nam có phương án giải quyết tốt những trường hợp quan ngại mà các thành viên khác đưa ra, hạn chế làm phát sinh căng thẳng trong mối quan hệ với các nước cũng như hạn chế phát sinh tranh chấp để không làm ảnh hưởng đến hoạt động thương mại giữa các quốc gia. Nếu các quan ngại thương mại không được giải quyết tốt thì các thành viên sẽ tiếp tục đưa vấn đề ra trước các cuộc họp tại WTO để thảo luận hoặc có thể bị đẩy lên thành tranh chấp thương mại, điều này gây tốn kém thời gian và chi phí cho các bên liên quan.

*Thứ ba*, các doanh nghiệp, cá nhân có liên quan và quan tâm cần chủ động và tích cực hơn nữa trong việc nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật của các nước thành viên WTO, góp ý kiến và kiến nghị đối với các biện pháp có khả năng cản trở thương mại của Việt Nam tại các thị trường của các thành viên có liên quan. Nói cách khác, Việt Nam cũng nên biết cách bày tỏ quan ngại khi cần thiết để bảo vệ lợi ích của mình khi tham gia thương mại quốc tế. Muốn vậy, bản thân các doanh nghiệp trong nước sau khi đã được văn phòng TBT Việt Nam gửi các thông báo về các biện pháp kỹ thuật của các thành viên thì cần nghiên cứu kỹ lưỡng nội dung và sự tác động đến hoạt động thương mại của mình, tác động đến vấn đề an ninh quốc

gia, môi trường, người tiêu dùng để kịp thời bày tỏ quan ngại với các thành viên đó, thậm chí có thể yêu cầu tham vấn nếu cần thiết.

*Thứ tư*, văn phòng TBT Việt Nam và các cơ quan trong mạng lưới TBT Việt Nam tiếp tục tăng cường việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình để đảm bảo thông tin hai chiều giữa WTO và các thành viên của WTO với các cơ quan chức năng, các tổ chức có liên quan ở Việt Nam một cách thông suốt, liên tục, kịp thời, chính xác. Đồng thời, Văn phòng có thể tăng cường hợp tác với các trường đại học, Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp để triển khai các hoạt động tuyên truyền phổ biến, cập nhật kiến thức, thông tin liên quan đến các biện pháp kỹ thuật trong thương mại, vấn đề quan ngại và tranh chấp thương mại về TBT để các doanh nghiệp có nhận thức rõ hơn về vấn đề đó, từ đó có thể gửi ý kiến tới cơ quan chức năng, giúp các cơ quan chức năng bày tỏ quan ngại đối với các biện pháp kỹ thuật của các thành viên khác.

Quan ngại thương mại về TBT là cách mà các thành viên sử dụng nhằm bảo vệ lợi ích thương mại của mình trước hành động của thành viên khác được coi là vi phạm Hiệp định TBT của WTO. Để hạn chế quan ngại thương mại xảy ra với mình cũng như để đối phó giải quyết tốt những quan ngại thương mại nếu xảy ra hoặc để sử dụng quan ngại thương mại là cách để bảo vệ quyền lợi của mình, cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học nhằm nâng cao nhận thức về Hiệp định TBT của các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, các cá nhân, từ đó góp phần nâng cao khả năng vận dụng Hiệp định một cách hiệu quả.❑

**Tài liệu tham khảo**


1. *Henrik Horn (2013), In the shadow of the DSU, addressing the specific trade concerns in the WTO SPS and TBT committee, IFN working paper No 960*
2. http://www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas/pdf/contenciosos/TBT49_22dez09.pdf, *truy cập ngày 25/11/2014*
3. http://www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas/pdf/atas_comercio/TBT49_22dez09.pdf, *truy cập ngày 25/11/2014*
4. http://www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas/PDF/atas_comercio/TBT_M_58.pdf, *truy cập ngày 25/11/2014*
5. http://www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas/pdf/contenciosos/TBT39_31jul06.pdf, *truy cập ngày 25/11/2014*
6. http://www.wto.org/english/res_e/publications_e/wtr12_dataset_e.htm, *truy cập ngày 5/11/2014*
7. http://www.wto.org/english/tratop_e/dispu_e/dispu_agreements_index_e.htm, *truy cập ngày 5/11/2014.*